TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày 09-6-2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Cảnh.

2. Ông Nguyễn Danh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân *dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa*: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng Ch, địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch – Phó Giám đốc NH - Chi nhánh tỉnh K, địa chỉ: 309 Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, có mặt;

- ***Bị đơn***: 1/ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1980;

2/ Ông Đậu Đình M, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã ch, thành phố K, tỉnh K, cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Trong năm 2017, Ngân hàng Ch – Chi nhánh K(Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) cho hộ gia đình bà Hoàng Thị H, ông Đậu Đình M (hộ bà H) vay tiền làm 02 lần, người đứng tên vay là bà H với tư cách đại diện theo ủy quyền hộ gia đình, cụ thể:

Ngày 14/03/2017, Ngân hàng cho vay số tiền 50.000.000 đồng, theo chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; lãi suất 0,75%/tháng, lãi quá hạn 0.975%/tháng, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả 12 tháng/lần, mỗi lần 10 triệu đồng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 19/3/2022, theo mã món vay số 6600000709740198 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ký ngày 14/03/2017 giữa Ngân hàng và bà H. Sau khi vay hộ bà H đã trả hai lần được 3.000.000 đồng tiền nợ gốc; kể từ ngày 11/12/2019 hộ bà H vi phạm hợp đồng, không trả tiền lãi cho ngân hàng. Tính đến ngày 09/6/2021, hộ bà H còn nợ số tiền gốc là 47.000.000 đồng và tiền lãi suất trong hạn là 12.185.690 đồng.

Ngày 12/05/2017, Ngân hàng cho vay số tiền 12.000.000 đồng, theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, với lãi suất trong hạn là 0.75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0.975%/tháng, lãi trả hàng tháng; thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả 06 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là 19/5/2022, theo mã món vay số 6600000710304092 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 12/05/2017. Sau khi vay hộ bà H đã trả được 1.280.521 đồng tiền lãi trong hạn. Tính đến ngày 09/6/2021 hộ bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 3.113.367 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông M trả số tiền nợ gốc và lãi của 02 khoản vay là 74.299.057 đồng (Nợ gốc 59.000.000 đồng; lãi suất 15.299.057 đồng) và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay.

- **Bị đơn** bà H và ông M không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền, nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp của mình.

- Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật;

Bà H và ông M thường xuyên vắng mặt nơi cư trú; chính quyền địa phương không biết ông bà đi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 280, 282, 463, 466, 470, 468 Bộ luật Dân sự; chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng, buộc bà H và ông M trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 74.299.057 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ; buộc bà H và ông M phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay vốn tín dụng đối với bà H và ông M . Tại thời điểm thụ lý thì bà H và ông M có hộ khẩu thường trú tại Thôn KonHrakla, xã ChửHeng, thành phố Kon Tum. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần đến nhà để tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn bà H và ông M , nhưng ông bà thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, thì xác định bà H và ông M có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Thôn K, xã Ch, thành phố K.Tuy nhiên hiện nay gia đình bà H thường xuyên vắng mặt ở nhà, chính quyền không biết gia đình bà H đi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của họ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bà H và ông M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông M .

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc bà H và ông M trả tiền nợ gốc và lãi suất, xét thấy: Theo Sổ vay vốn; Sổ theo dõi cho vay; Giấy đề nghị vay vốn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì có cơ sở xác định: Vào ngày 19/03/2017 Ngân hàng cho hộ bà H vay số tiền 50.000.000 đồng; đến ngày 12/05/2017 cho vay tiếp số tiền 12.000.000 đồng. Năm 2017 và 2018 đã trả được 3.000.000 đồng nợ gốc và 5.839.954 đồng lãi trong hạn. Sau đó hộ bà H đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết. Tính đến ngày 09/6/2021 hộ bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc của hai khoản vay là 59.000.000 đồng và tiền lãi 15.299.057 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ: Trong sổ vay vốn có quy định về quyền và nghĩa vụ của hộ vay, theo đó hộ gia đình có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ; và khi vay vốn, bà H và ông M cam kết "*Chúng tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn; chấp hành đúng quy định cho vay của Ngân hàng*". Do đó, ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông M cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất 74.299.057 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ, là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về án phí: Bà H và ông M phải trả cho ngân hàng số tiền 74.299.057 đồng, nên cùng chịu 3.714.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1Điều 147, điểm b, d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 282, 463, 466, 470 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đề ngày 26/02/2021 của Ngân hàng Ch đối với bà Hoàng Thị H và ông Đậu Đình M;

2. Buộc bà Hoàng Thị H và ông Đậu Đình M cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Ch – Chi tỉnh nhánh Kon Tum số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 09/6/2021 là **74.299.057 đồng** (Bảy bốn triệu, hai trăm chín chín nghìn, không trăm năm bảy đồng).

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hoàng Thị H và ông Đậu Đình M cùng phải chịu 3.714.900 *(ba triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, chín trăm)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Hoài